

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 23/2022/DS-PT
Ngày: 18 - 01 - 2022
V/v: “Tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Công Bình.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Chung;
Ông Hoàng Kim Khánh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Vinh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 297/2021/TLDS-PT ngày 23/12/2021, về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 52/2021/DS-ST ngày 29/10/2021 của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 280/2021/QĐ-PT, ngày 27/12/2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Võ Tá P; địa chỉ: Thôn T, xã B, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Hà D; địa chỉ: Thôn B, xã C, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

3. *Người kháng cáo:* Ông Hà D, là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Về yêu cầu khởi kiện theo đơn khởi kiện, quá trình làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Võ Tá P trình bày có nội dung như sau:*

Ông Võ Tá P làm nghề kinh doanh vật liệu xây dựng. Vào đầu năm 2016, ông Hà D có mua vật liệu xây dựng của ông P nhiều lần gồm các loại vật liệu như cát, đá... với tổng số tiền ban đầu là 76.160.000 đồng, sau đó ông D đã thanh toán được số tiền là 40.000.000 đồng, số vật liệu thừa trả lại 434.000 đồng, nên còn nợ lại số tiền là 35.726.000 đồng. Tiếp sau đó ông D có mua và nợ tiền mua Vòm là 9.625.000 đồng và tiền cửa là 19.784.000 đồng.

Như vậy, ông D còn nợ ông P với tổng số tiền mua vật liệu xây dựng, tiền mua vòm và cửa sắt là 65.135.000 đồng. Giữa ông P và ông D có chốt nợ số tiền còn nợ như trên và ông D đã ký nhận vào sổ theo dõi nợ của ông P, hẹn đến cuối năm 2016 sẽ thanh toán cho ông P, thỏa thuận lãi suất là 1,2%/tháng. Tuy nhiên, từ khi chốt nợ đến nay mặc dù ông P đã đòi nhiều lần nhưng ông D vẫn chưa thanh toán số nợ trên.

Do đó, ông P khởi kiện yêu cầu ông Hà D phải trả cho ông P số tiền là 104.215.000 đồng, trong đó: nợ gốc là 65.135.000 đồng, nợ lãi tính đến ngày 31/12/2020 là 39.080.000 đồng và yêu cầu tiếp tục tính lãi từ ngày 01/01/2021 cho đến khi ông D thanh toán xong toàn bộ khoản nợ. Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm, ông P yêu cầu tính lãi suất từ 31/12/2016 cho đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 29/10/2021) với mức lãi suất 1%/tháng, thành tiền 37.756.000 đồng.

** Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn ông Hà D trình bày có nội dung như sau:*

Ông Hà D không đồng ý với yêu cầu khởi kiện và phần trình bày của ông Võ Tá P. Ông D thừa nhận vào năm 2015 ông có làm nhà ở và có mua vật liệu xây dựng của ông Võ Tá P, ông D mua vật liệu xây dựng nhiều lần và không nhớ rõ các lần mua, ông D chỉ nhớ có 03 lần mua cụ thể: lần 1 là 40.000.000 đồng; lần 2 là 15.000.000 đồng và lần 3 khoảng 6.000.000 đồng. Toàn bộ số tiền nợ mua vật liệu thì cứ khoảng 02 đến 03 ngày sau là ông D trả hết cho ông P và hiện nay ông D không còn nợ ông P khoản tiền nào cả. Các lần trả thì ông D trực tiếp trả tiền cho ông P, nhưng không có viết giấy tờ biên nhận gì cả nên ông D không có tài liệu, giấy tờ gì để chứng minh việc trả tiền.

Đối với giấy chốt nợ mà ông P cung cấp cho Tòa án, ông D thừa nhận đúng là chữ ký và chữ viết của ông, nhưng ông D xác định ông đã trả xong khoản nợ này cho ông P, do ông P không trả lại cho ông D giấy chốt nợ và đến nay lại dùng giấy này khởi kiện là không đúng. Do đó, ông D không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Võ Tá P về việc buộc ông D trả số tiền 65.135.000 đồng nợ gốc và yêu cầu tính lãi suất trên số nợ gốc từ 31/12/2016 cho đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 29/10/2021 với mức lãi suất 1%/tháng, thành tiền 37.756.000 đồng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 52/2021/DS-ST ngày 29/10/2021 của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk, đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 430, 433, 434, 440 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Tá P.

Buộc ông Hà D có nghĩa vụ trả nợ cho ông Võ Tá P tổng số tiền 102.891.000 đồng. Trong đó: nợ gốc 65.135.000 đồng, nợ lãi tính từ ngày 31/12/2016 cho đến ngày xét xử 29/10/2021 là 57 tháng 29 ngày x 1%/tháng, thành tiền 37.756.000 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí: ông Hà D phải nộp 5.144.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho ông Võ Tá P 1.628.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 60AA/2021/0007123 ngày 14/5/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Buôn Hồ.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án cho các đương sự theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 11/11/2021 bị đơn ông Hà D có đơn kháng cáo, với nội dung: Bản án sơ thẩm xét xử buộc ông D phải trả cho ông P số tiền 102.891.000 đồng, là không đúng và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn ông Võ Tá P giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn ông Hà D vẫn giữ yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa trình bày ý kiến xác định: Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán cũng như tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; về nội dung: Qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ có đủ căn cứ xác định ông Hà D có mua vật liệu xây dựng của ông Võ Tá P nhiều lần và còn nợ số tiền là 65.135.000 đồng. Ông D cho rằng đã trả hết tiền nợ vật liệu cho ông P, nhưng ông D không cung cấp được chứng cứ để chứng minh. Do đó bản án sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Tá P và buộc ông Hà D phải trả cho ông P số tiền nợ gốc là 65.135.000 đồng và nợ lãi từ ngày 31/12/2016 cho đến ngày xét xử sơ thẩm với số tiền 37.756.000 đồng, là có căn cứ. Do đó kháng cáo của ông Hà D là không có cơ sở để chấp nhận. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Hà D và giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 52/2021/DS-ST ngày 29/10/2021 của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, lời trình bày của các đương sự và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đối với kháng cáo của bị đơn ông Hà D, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1.1] Ông Võ Tá P và ông Hà D đều xác nhận trong năm 2015 và năm 2016, ông D có mua vật liệu xây dựng của ông P nhiều lần. Theo giấy chốt nợ do ông P cung cấp thể hiện nội dung: tổng số tiền nợ mua vật liệu xây dựng ban đầu của ông D là 76.160.000 đồng; trả lại 434.000 đồng; đặt cọc 40.000.000 đồng; còn nợ lại số tiền 35.726.000 đồng; nợ tiền mua vòm là 9.625.000 đồng và tiền cửa là 19.784.000 đồng; Tổng nợ là 65.135.000 đồng. Ông Hà D thừa nhận chữ ký, chữ viết tại giấy chốt nợ là do ông viết và ký. Bị đơn ông D thừa nhận số tiền mua vật liệu này và ông cho rằng đã thanh toán hết khoản nợ trên cho ông P. Tuy nhiên ông P không thừa nhận việc này và xác định ông D chưa trả khoản tiền nợ mua vật liệu là 65.135.000 đồng, đồng thời ông D không cung cấp được chứng cứ chứng minh việc đã trả tiền cho ông P. Do đó ý kiến của ông D là không có căn cứ chấp nhận.

[1.2] Về lãi suất: Tại giấy chốt nhận nợ có thể hiện thời hạn trả nợ là ngày 31/12/2016 và lãi suất thỏa thuận là 1,2%/tháng. Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn thay đổi nội dung khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi chậm trả tính từ ngày vi phạm nghĩa vụ trả tiền (ngày 31/12/2016) đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 29/10/2021) là 57 tháng 29 ngày, với mức lãi chậm trả là 1%/tháng, thành tiền là 37.756.000 đồng. Xét thấy, yêu cầu tính lãi chậm trả của nguyên đơn là có cơ sở, phù hợp với quy định pháp luật. Bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu tính lãi của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Hà D phải trả cho nguyên đơn số tiền lãi chậm trả là 37.756.000 đồng, là có căn cứ.

[1.3] Như vậy, có đủ cơ sở khẳng định ông Hà D có mua vật liệu xây dựng của ông Võ Tá P và nợ số tiền mua vật liệu là 65.135.000 đồng, ông D hẹn đến ngày 31/12/2016 sẽ trả, nhưng sau đó đã không trả được tiền là vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo như cam kết. Bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Tá P và buộc bị đơn ông Hà D phải trả cho ông P số tiền mua vật liệu xây dựng còn nợ là 65.135.000 đồng và tiền lãi chậm trả 37.756.000 đồng, là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật. Do đó kháng cáo của ông Hà D là không có căn cứ chấp nhận và cần giữ nguyên bản án sơ thẩm, là đúng đắn.

[2] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận, nên ông Hà D phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Hà D, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 52/2021/DS-ST ngày 29/10/2021 của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

Áp dụng: Điều 430, Điều 433, Điều 434 và Điều 440 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 và Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Tá P.

Buộc ông Hà D có nghĩa vụ trả cho ông Võ Tá P tổng số tiền là 102.891.000 đồng (một trăm lẻ hai triệu tám trăm chín mươi một nghìn đồng), trong đó: nợ gốc là 65.135.000 đồng (sáu mươi lăm triệu một trăm ba mươi lăm nghìn đồng) và tiền lãi chậm trả là 37.756.000 đồng (ba mươi bảy triệu bảy trăm năm mươi sáu nghìn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

2.1. Án phí dân sự sơ thẩm: ông Hà D phải chịu 5.144.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho ông Võ Tá P 1.628.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 60AA/2021/0007123 ngày 14/5/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

2.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Hà D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng mà ông Hà D đã nộp theo biên lai thu số 60AA/2021/0008348, ngày 23/11/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành

án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tối cao (Vụ 2);
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND thị xã Buôn Hồ;
- CCTHADS thị xã B;
- Các đương sự;
- Lưu.

(đã ký)

Trương Công Bình